Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8431.20.90

Mã HS	8431.20.90
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho các loại máy thuộc các nhóm từ 84.25 đến 84.30 / - Của máy thuộc nhóm 84.27: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:52:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84312090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13693
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13693
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13693
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12996
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12937
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12937
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12937
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12937
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12937
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12937
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12991
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12991

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12991
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12991
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12991
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12991
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12992
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12992
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12992
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12992
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12992
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12992
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12995
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12943
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12951
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12951
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12951
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12951
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12951
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12951
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12982
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12982
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12982
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12982
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12982
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12982
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13031
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13031

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13031
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13031
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13031
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13031
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13014
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13014
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13014
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13014
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13014
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13014
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13014
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13014
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13014
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13014
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13014
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13014
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13029
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13029
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13029
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13029
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13029
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13029
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13028
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13028
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13028
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13028

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13028
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13028
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13008
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13008
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13008
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13008
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13008
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13008
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13008
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13016
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13016
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13016
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13016
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13016
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13016
RCEP B	2022	2022	0	B!D13016
RCEP B	2023	2023	0	B!E13016
RCEP B	2024	2024	0	B!F13016
RCEP B	2025	2025	0	B!G13016
RCEP B	2026	2026	0	B!H13016
RCEP B	2027	2027	0	B!I13016
RCEP C	2022	2022	0	C!D13016
RCEP C	2023	2023	0	C!E13016
RCEP C	2024	2024	0	C!F13016
RCEP C	2025	2025	0	C!G13016
RCEP C	2026	2026	0	C!H13016

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13016
RCEP D	2022	2022	0	D!D13015
RCEP D	2023	2023	0	D!E13015
RCEP D	2024	2024	0	D!F13015
RCEP D	2025	2025	0	D!G13015
RCEP D	2026	2026	0	D!H13015
RCEP D	2027	2027	0	D!I13015
RCEP E	2022	2022	0	E!D13019
RCEP E	2023	2023	0	E!E13019
RCEP E	2024	2024	0	E!F13019
RCEP E	2025	2025	0	E!G13019
RCEP E	2026	2026	0	E!H13019
RCEP E	2027	2027	0	E!I13019
RCEP F	2022	2022	0	F!D13016
RCEP F	2023	2023	0	F!E13016
RCEP F	2024	2024	0	F!F13016
RCEP F	2025	2025	0	F!G13016
RCEP F	2026	2026	0	F!H13016
RCEP F	2027	2027	0	F!I13016
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12071
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12071
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12071
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12071

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8431.20 có 2 dòng thuế; dòng 8431.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8431.20.10 Thuộc phân nhóm 8427.10 hoặc 8427.20	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8431.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8431.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13693), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.